TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2018/DS-ST
Ngày: 19-6-2018
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đồng Thị Mười.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Đặng Nhật Trường – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 19 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 118/2018/TLST–DS ngày 22 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2018/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- *N đơn:* Bà Đặng Thị N, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* 1. Ông Phạm Minh V, sinh năm 1972;

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp 4, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bà N, ông V có mặt; bà H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/3/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, N đơn bà N trình bày: Ông V, bà H có tham gia tham gia 2 dây hụi do bà làm chủ hụi, cụ thể:

- Dây thứ nhất: Hụi mùa, hụi sống đóng 4.000.000 đồng, hụi chết đóng 6.000.000 đồng, khui vào vụ Đông Xuân năm 2014 (ngày 20/11/2015 âm lịch), gồm 16 phần, ông V, bà H tham gia 1 phần. Ông V, bà H đã hốt hụi ở lần khui đầu tiên, bà đã giao đủ hụi cho ông V, bà H với số tiền 60.000.000 đồng. Ông V, bà H phải đóng hụi chết là 90.000.000 đồng, ông V, bà H đã đóng hụi chết được 42.000.000 đồng, còn nợ lại 48.000.000 đồng.

- Dây thứ hai: Hụi mùa, hụi sống đóng 4.000.000 đồng, hụi chết đóng 6.000.000 đồng, khui vào vụ Đông Xuân năm 2014 (Ngày 20/11/2015 âm lịch), gồm 13 phần, ông V, bà H tham gia 1 phần. Ông V, bà H đã hốt hụi ở lần khui thứ 4, bà đã giao đủ hụi cho ông V, bà H với số tiền 54.000.000 đồng. Ông V, bà H phải đóng hụi chết là 54.000.000 đồng, ông V, bà H đã đóng hụi chết được 24.000.000 đồng, còn nợ lại 30.000.000 đồng.

Tổng cộng 2 dây hụi, ông V, bà H còn nợ bà tổng số tiền 78.000.000 đồng. Theo thỏa thuận thì ông V, bà H phải đóng hụi chết cho bà mỗi mùa lúa 12.000.000 đồng, nhưng đã qua nhiều vụ lúa mà ông V, bà H trốn tránh không đóng hụi chết, đồng thời bán đất ruộng nhằm trốn tránh nghĩa vụ. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu ông V, bà H trả ngay cho bà tiền hụi đến hạn là 66.000.000 đồng, còn hai lần hụi chết 12.000.000 đồng chưa đến hạn, yêu cầu trả khi đến hạn.

Tại phiên tòa ông V trình bày: Việc ông với bà H có tham gia hai dây hụi và nợ tiền hụi 78.000.000 đồng như bà N trình bày là đúng. Nhưng ông xin trả vốn là 52.000.000 đồng và trả mỗi mùa lúa 8.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Bà N không đồng ý theo yêu cầu của ông V.

Bà H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp hợp đồng góp hụi theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bà H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để dự phiên tòa. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét bà N yêu cầu ông V, bà H trả ngay cho bà tiền hụi đến hạn là 66.000.000 đồng, còn hai lần hụi chết 12.000.000 đồng chưa đến hạn, yêu cầu trả khi đến hạn, thấy rằng:

Bà N là chủ hụi đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của chủ hụi là giao tiền hụi đầy đủ khi ông V, bà H hốt hụi. Nhưng ông V, bà H đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của hụi viên là tiếp tục đóng các phần hụi chết còn lại cho chủ hụi theo thoả thuận là có lỗi, vi phạm nghĩa vụ của hụi viên được quy định tại Điều 20 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ nên ông V, bà H phải chịu trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ. Hơn nữa, ông V, bà H không phản đối yêu cầu khởi kiện của bà N nên theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh. Do đó, ông V, bà H có nghĩa vụ trả ngay cho bà N tiền hụi đến hạn là 66.000.000 đồng, 12.000.000 đồng tiền hụi chưa đến hạn, trả khi đến hạn.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị N.

[4] Xét ông V xin trả vốn là 52.000.000 đồng và trả mỗi mùa lúa 8.000.000 đồng cho đến khi hết nợ là nhằm kéo dài thời gian trả nợ, gây thiệt thòi quyền lợi cho bà N và không được bà N đồng ý nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Về án phí: Ông V, bà H phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 468 và Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị N.

2. Buộc ông Phạm Minh V, bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới trả ngay cho bà Đặng Thị N 66.000.000đ (Sáu mươi sáu triệu đồng) tiền hụi đến hạn.

Buộc ông Phạm Minh V, bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đặng Thị N 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) tiền hụi chưa đến hạn. Trả trong hạn như sau:

- Vụ 3 năm 2018 (Ngày 30/8/2018 âm lịch) trả 6.000.000 đồng;

- Vụ Đông Xuân năm 2019 (Ngày 30/01/2019 âm lịch) trả 6.000.000 đồng.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà N có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông V, bà H chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định

tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

4. Về án phí:

4.1. Ông Phạm Minh V, bà Nguyễn Thị H phải chịu 3.900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Hoàn trả cho bà Đặng Thị N 975.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 15390 ngày 22/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

5. Bà N, ông V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bà H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện C;
- Thi hành án dân sự huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Công Vĩnh Đức